

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đôi tương ưu tiên	Ghi chú
1	Phạm Văn	Giáp	03/09/1993	Nam	Ninh Bình	Không	
2	Chữ Lương	Huân	08/01/1995	Nam	Phú Thọ	Không	
3	Võ Tuyết	Ngân	06/07/2001	Nữ	Thành phố Cần Thơ	Không	
4	Trần Thu	Phuong	03/04/1995	Nữ	Ninh Bình	Không	
5	Lê Ngọc	Son	06/01/1983	Nam	Hưng Yên	Không	
6	Đình Trọng	Thái	20/07/1994	Nam	Nghệ An	Không	
7	Phùng Thùy	Trang	08/11/1988	Nữ	Quảng Ninh	Không	

(*Danh sách có 07 thí sinh dự thi*).

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUYÊN KHOA I
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đôi tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	An	22/07/1993	Nữ	Hung Yên	Không	
2	Bùi Đức	Anh	31/10/1993	Nam	Thành phố Hải Phòng	Không	
3	Đặng Hồng	Anh	19/02/1991	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
4	Hoàng Kim	Anh	22/07/1997	Nữ	Lào Cai	Không	
5	Nguyễn Tuấn	Anh	08/11/1989	Nam	Thanh Hóa	Không	
6	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	31/03/1999	Nam	Hung Yên	Không	
7	Nguyễn Văn Tú	Anh	14/04/1997	Nam	Lào Cai	Không	
8	Phạm Văn	Bách	27/12/1989	Nam	Thành phố Hải Phòng	Không	
9	Huyền Vũ Anh	Bảo	21/10/1990	Nam	Lâm Đồng	Không	
10	Nguyễn Bá	Bảo	06/02/1983	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
11	Nguyễn Quốc	Bảo	22/12/1994	Nam	Hà Tĩnh	Không	
12	Bùi Đức	Bình	03/06/1993	Nam	Phú Thọ	Không	
13	Lê Việt Phạm	Bình	28/01/1989	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Không	
14	Hoàng Quốc	Công	02/09/1988	Nam	Phú Thọ	Không	
15	Nguyễn Thế	Cử	08/07/1985	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
16	Nguyễn Văn	Cường	07/06/1984	Nam	Thanh Hóa	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
17	Nguyễn Thị Hải	Chi	06/09/1988	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
18	Trần Thị	Chi	11/09/1989	Nữ	Ninh Bình	Không	



STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
19	Hoàng Đức	Chính	03/09/1994	Nam	Lạng Sơn	Không	
20	Vũ Sỹ	Chính	10/12/1971	Nam	Hung Yên	Không	
21	Nguyễn Thị	Chung	22/11/1981	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
22	Vũ Trọng	Chuyên	07/03/1994	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
23	Nguyễn Thị Hồ	Diên	29/12/1983	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
24	Nguyễn Hồng	Diệp	16/04/1996	Nữ	Hung Yên	Không	
25	Võ Thị Ngọc	Diệp	24/08/1994	Nữ	Thành phố Đà Nẵng	Không	
26	Dương Ngọc	Diệu	15/09/1996	Nữ	Bắc Ninh	Không	
27	Chu Thị	Dung	11/05/1988	Nữ	Phú Thọ	Không	
28	Nguyễn Thị	Dung	12/10/1985	Nữ	Hung Yên	Không	
29	Trịnh Thị Hoàng	Dung	17/08/1993	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Không	
30	Vũ Thị Thủy	Dung	11/01/2000	Nữ	Lào Cai	Không	
31	Mai Vĩnh	Duy	13/05/1990	Nam	Phú Thọ	Không	
32	Nguyễn Đức	Duy	20/09/1991	Nam	Thanh Hóa	Không	
33	Lê Hữu	Dương	07/06/1998	Nam	Thành phố Hải Phòng	Con đẻ của người nhiễm chất độc hóa học	
34	Nguyễn Quốc	Dương	21/12/1990	Nam	Hung Yên	Không	
35	Nguyễn Xuân	Dương	22/02/1994	Nam	Thanh Hóa	Không	
36	Vũ Tiến	Đạt	16/02/1995	Nam	Lâm Đồng	Không	
37	Nguyễn Thành	Đắc	03/02/1991	Nam	Thành phố Hải Phòng	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
38	Nguyễn Ngọc	Diệp	17/07/1997	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Không	
39	Nguyễn Quốc	Đoàn	09/09/1990	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Không	
40	Bùi Thị	Đức	03/05/1984	Nữ	Hung Yên	Không	
41	Hồ Việt	Đức	29/08/1993	Nam	Nghệ An	Không	
42	Nguyễn Hữu	Đức	21/08/1997	Nam	Phú Thọ	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
43	Nguyễn Trung	Đức	03/03/1995	Nam	Điện Biên	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
44	Lê Thị Thu	Giang	28/11/1994	Nữ	Thanh Hóa	Không	
45	Phạm Thị Minh	Giang	06/09/1993	Nữ	Lào Cai	Không	
46	Bùi Thị	Hà	21/04/1984	Nữ	Hưng Yên	Không	
47	Phạm Lê Thanh	Hà	15/03/1999	Nữ	Lâm Đồng	Không	
48	Phạm Văn	Hà	19/08/1988	Nam	Nghệ An	Không	
49	Vũ Thị Thanh	Hà	13/09/1995	Nữ	Ninh Bình	Không	
50	Vũ Thu	Hà	15/01/1995	Nữ	Hưng Yên	Không	
51	Đinh Thị Thanh	Hải	21/02/1995	Nữ	Phú Thọ	Không	
52	Nguyễn Thị	Hải	21/09/1996	Nữ	Nghệ An	Không	
53	Vũ Tuấn	Hải	21/10/1976	Nam	Nghệ An	Không	
54	Mai Thị	Hạnh	03/10/1991	Nữ	Điện Biên	Không	
55	Nguyễn Thị	Hạnh	23/01/1991	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
56	Lương Quỳnh Như	Hào	08/07/1997	Nữ	Lâm Đồng	Không	
57	Đỗ Thị	Hàng	11/09/1993	Nữ	Thanh Hóa	Không	
58	Hoàng Diệu	Hàng	03/02/1999	Nữ	Quảng Trị	Không	
59	Vũ Thị	Hàng	15/10/1994	Nữ	Bắc Ninh	Không	
60	Trần Thị	Hân	05/09/1987	Nữ	Phú Thọ	Không	
61	Đặng Thị	Hiền	19/07/1994	Nữ	Nghệ An	Không	
62	Hà Thị	Hiền	27/09/1986	Nữ	Bắc Ninh	Không	
63	Nguyễn Văn	Hiệp	14/10/1996	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
64	Phạm Trung	Hiếu	29/06/1993	Nam	Phú Thọ	Không	
65	Trần Huy	Hiệu	27/09/1979	Nam	Phú Thọ	Không	
66	Tạ Thị	Hoa	18/02/1988	Nữ	Hưng Yên	Không	
67	Nguyễn Trọng	Hoà	19/12/1987	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
68	Nguyễn Thị Thu	Hoài	06/04/1983	Nữ	Phú Thọ	Không	
69	Đinh Công	Hoàn	10/03/1995	Nam	Phú Thọ	Không	
70	Lê Đình	Hoàn	22/05/1991	Nam	Thanh Hóa	Không	
71	Đào Thị	Hồng	09/08/1988	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	

STT	Họ và tên	Huê	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
72	Hứa Thị Huệ	Huê	21/10/1995	Nữ	Cao Bằng	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
73	Đặng Văn Hùng	Hùng	18/09/1991	Nam	Lâm Đồng	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV2	
74	Lê Văn Hùng	Hùng	26/04/1992	Nam	Thanh Hóa	Không	
75	Lương Hữu Hùng	Hùng	16/08/1992	Nam	Thanh Hóa	Không	
76	Nguyễn Phi Hùng	Hùng	28/05/1993	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
77	Phạm Tài Hùng	Hùng	07/11/1988	Nam	Phú Thọ	Con đẻ của người nhiễm chất độc hóa học. Công tác tại KV2	
78	Bùi Thị Thanh Huyền	Huyền	25/03/1995	Nữ	Phú Thọ	Không	
79	Đào Thị Huyền	Huyền	16/06/1995	Nữ	Thanh Hóa	Không	
80	Hoàng Vũ Thu Huyền	Huyền	04/12/1994	Nữ	Thanh Hóa	Không	
81	Nguyễn Thị Diệu Huyền	Huyền	17/06/1998	Nữ	Ninh Bình	Không	
82	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Huyền	15/02/1994	Nữ	Phú Thọ	Không	
83	Nguyễn Thị Thu Huyền	Huyền	26/05/1997	Nữ	Quảng Trị	Không	
84	Nguyễn Thị Thu Huyền	Huyền	20/07/1992	Nữ	Phú Thọ	Không	
85	Vũ Đức Huyền	Huyền	16/09/1998	Nam	Phú Thọ	Không	
86	Lê Văn Hùng	Hùng	06/07/1985	Nam	Phú Thọ	Không	
87	Nguyễn Hải Hùng	Hùng	03/05/1994	Nam	Phú Thọ	Không	
88	Bùi Thị Thanh Hùng	Hùng	16/01/1996	Nữ	Phú Thọ	Không	
89	Đào Mai Hùng	Hùng	30/03/1989	Nữ	Hưng Yên	Không	
90	Hà Thị Hùng	Hùng	10/03/1992	Nữ	Thanh Hóa	Không	
91	Nguyễn Minh Hùng	Hùng	22/03/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
92	Nguyễn Thị Mai Hùng	Hùng	09/11/1973	Nữ	Phú Thọ	Không	
93	Nguyễn Thị Thu Hùng	Hùng	12/06/1985	Nữ	Phú Thọ	Không	
94	Phan Ngọc Hương	Hương	30/01/1995	Nữ	Quảng Trị	Không	
95	Trần Thị Hương	Hương	07/08/1988	Nữ	Ninh Bình	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
96	Vũ Thị Thủy	Huong	04/04/1994	Nữ	Tuyên Quang	Dân tộc thiểu số. Thường trú 2 năm ở KV1	
97	Lê Thị	Huong	19/07/1997	Nữ	Thanh Hóa	Không	
98	Phạm Thị	Huong	20/09/1994	Nữ	Phú Thọ	Không	
99	Trần Trung	Kiên	24/01/1997	Nam	Hung Yên	Không	
100	Trần Trung	Kiên	24/09/1996	Nam	Tuyên Quang	Không	
101	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	29/10/1983	Nữ	Đắk Lắk	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
102	Đoàn Duy	Khánh	02/02/1992	Nam	Thanh Hóa	Không	
103	Nguyễn Thị Hồng	Khánh	04/12/1999	Nữ	Ninh Bình	Không	
104	Nguyễn Thị Kim	Khánh	27/08/1995	Nữ	Phú Thọ	Không	
105	Trình Thế	Khởi	20/01/1987	Nam	Thanh Hóa	Không	
106	Đoàn Phương	Lan	08/10/1995	Nữ	Cao Bằng	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
107	Phạm Thị Hoàng	Lan	02/11/1991	Nữ	Hung Yên	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
108	Phan Thị Tùng	Lâm	20/04/1996	Nữ	Quảng Trị	Không	
109	Nguyễn Thị Phương	Liên	23/10/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
110	Đinh Thị Thủy	Linh	28/11/1991	Nữ	Tuyên Quang	Không	
111	Nguyễn Hà Phương	Linh	26/12/1992	Nữ	Phú Thọ	Không	
112	Nguyễn Thị Khánh	Linh	31/10/1993	Nữ	Thanh Hóa	Không	
113	Nguyễn Thủy	Linh	18/12/1995	Nữ	Phú Thọ	Không	
114	Phan Nhất	Linh	11/11/1998	Nam	Hà Tĩnh	Không	
115	Trần Thị Diệu	Linh	12/07/1995	Nữ	Ninh Bình	Không	
116	Nguyễn Quang	Long	05/02/1994	Nam	Thành phố Hải Phòng	Không	
117	Phan Văn	Lộng	25/02/1991	Nam	Hà Tĩnh	Không	
118	Nguyễn Thị	Lộc	10/03/1995	Nữ	Hà Tĩnh	Không	
119	Hà Thị	Luyến	24/08/1994	Nữ	Thanh Hóa	Không	
120	Phạm Quang	Luu	24/08/1987	Nam	Phú Thọ	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
121	Hoàng Ngọc	Ly	15/09/1996	Nữ	Lạng Sơn	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
122	Phạm Thị Thiên	Lý	10/06/1995	Nữ	Tuyên Quang	Không	
123	Đỗ Thị	Mai	14/12/1993	Nữ	Hung Yên	Không	
124	Hồ Thị	Mai	25/09/1993	Nữ	Nghệ An	Không	
125	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	15/08/1996	Nữ	Thành phố Đà Nẵng	Không	
126	Bùi Đức	Manh	23/03/1994	Nam	Hung Yên	Không	
127	Bùi Tuấn	Minh	13/03/1989	Nam	Phú Thọ	Không	
128	Hoàng Đan	Minh	23/04/1983	Nữ	Lâm Đồng	Không	
129	Lê Thái	Minh	08/05/1987	Nam	Thành phố Hải Phòng	Không	
130	Nguyễn Đức	Minh	21/07/1982	Nam	Phú Thọ	Không	
131	Phạm Trần Tuấn	Minh	13/11/1994	Nam	Hung Yên	Không	
132	Tạ Quang	Minh	22/05/1994	Nam	Phú Thọ	Không	
133	Trần Đăng	Minh	04/10/2000	Nam	Hung Yên	Không	
134	La Thị	Mơ	05/11/1995	Nữ	Cao Bằng	Dân tộc thiểu số. Thường trú 2 năm ở KV1	
135	Nguyễn Thị Thủy	Na	09/09/1998	Nữ	Quảng Trị	Không	
136	Nguyễn Hoài	Nam	18/09/1993	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
137	Nguyễn Quang	Nam	03/08/1983	Nam	Thành phố Hải Phòng	Không	
138	Nguyễn Văn	Nam	25/03/1998	Nam	Hung Yên	Không	
139	Nguyễn Thúy	Nga	15/03/1992	Nữ	Quảng Trị	Không	
140	Vy Thị	Nga	23/06/1996	Nữ	Đắk Lắk	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
141	Trần Thị	Ngân	02/01/1993	Nữ	Phú Thọ	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
142	Vũ Trọng	Nghĩa	19/02/1997	Nam	Thành phố Hải Phòng	Không	
143	Lê Văn	Nghiêm	15/09/1973	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
144	Nguyễn Duy	Ngọc	11/07/1986	Nam	Phú Thọ	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
145	Phạm Bích	Ngọc	18/04/1996	Nữ	Hung Yên	Không	
146	Trần Thị Bích	Ngọc	08/02/1991	Nữ	Phú Thọ	Không	
147	Cao Thị Minh	Nguyễn	02/04/1985	Nữ	Hung Yên	Không	
148	Phan Thị	Nhàn	07/11/1989	Nữ	Hà Tĩnh	Không	
149	Trương Xuân	Nhàn	24/08/1994	Nam	Thanh Hóa	Không	
150	Trịnh Thị Hồng	Nhung	21/08/1993	Nữ	Thanh Hóa	Không	
151	Trương Thị	Nhung	12/07/1993	Nữ	Thanh Hóa	Không	
152	Trương Hồng	Phấn	03/01/1991	Nam	Lâm Đồng	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
153	Trần Thanh	Phong	11/06/1989	Nam	Đông Tháp	Không	
154	Huyền Kim	Phúc	19/04/1994	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Không	
155	Đặng Thị Hoài	Phương	26/02/1995	Nữ	Nghệ An	Không	
156	Đỗ Thị Minh	Phương	13/06/1988	Nữ	Phú Thọ	Không	
157	Huyền Thị Diệu	Phương	07/11/1992	Nữ	Thành phố Huế	Không	
158	Nguyễn Thị Hải	Phương	15/08/1987	Nữ	Phú Thọ	Không	
159	Nguyễn Thị Linh	Phương	08/03/1994	Nữ	Lào Cai	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
160	Nguyễn Thị Thanh	Phương	16/01/1996	Nữ	Thanh Hóa	Không	
161	Phạm Hồng	Phương	14/10/1983	Nam	Phú Thọ	Không	
162	Phạm Xuân	Phương	27/07/1993	Nữ	Phú Thọ	Không	
163	Tổng Thanh	Phương	10/09/1985	Nam	Hà Tĩnh	Không	
164	Đào Thị	Phượng	21/03/1989	Nữ	Hưng Yên	Không	
165	Hoàng Thị Bích	Phượng	28/10/1990	Nữ	Phú Thọ	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
166	Nguyễn Đình	Quát	26/09/1994	Nam	Nghệ An	Không	
167	Nguyễn Duy	Quý	19/04/1997	Nam	Quảng Trị	Không	
168	Nguyễn Khắc	Quýết	03/02/1997	Nam	Thanh Hóa	Không	
169	Nguyễn Thị Ái	Quỳnh	01/09/1996	Nữ	Thành phố Huế	Không	
170	Phạm Thị Như	Quỳnh	27/01/1986	Nữ	Phú Thọ	Không	

STT	Họ và tên	Tù	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
171	Nguyễn Thị Đông	Sang	09/02/1988	Nữ	Khánh Hòa	Không	
172	Vũ Văn	Soái	19/09/1985	Nam	Hưng Yên	Không	
173	Đỗ Mạnh	Son	23/02/1986	Nam	Thành phố Hai Phòng	Không	
174	Phan Thị Hồng	Suong	06/06/1992	Nữ	Quảng Trị	Không	
175	Nguyễn Đức	Tâm	18/09/1990	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
176	Nguyễn Đức	Tâm	09/02/1990	Nam	Phú Thọ	Không	
177	Phan Thị Minh	Tâm	18/05/1995	Nữ	Nghệ An	Không	
178	Đậu Thị	Tiền	09/01/1999	Nữ	Nghệ An	Không	
179	Nguyễn Thủy	Tiền	16/12/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
180	Nguyễn Văn	Tới	10/04/1990	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
181	Nguyễn Quang	Tú	24/01/1991	Nam	Phú Thọ	Không	
182	Nguyễn Văn	Tú	01/09/1994	Nam	Thanh Hóa	Không	
183	Nguyễn Anh	Tuấn	02/10/1990	Nam	Phú Thọ	Không	
184	Nguyễn Minh	Tuệ	30/01/1983	Nam	Thành phố Hà Nội	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
185	Hoàng Duy	Tùng	01/06/1986	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
186	Đào Thị Thanh	Tuyền	28/07/1987	Nữ	Lâm Đồng	Không	
187	Nguyễn Thị Hồng	Thái	18/05/1988	Nữ	Phú Thọ	Không	
188	Nguyễn Thị Đan	Thanh	03/08/1987	Nữ	Nghệ An	Không	
189	Lê Đại	Thành	14/09/1981	Nam	Quảng Ngãi	Không	
190	Bùi Phương	Thảo	28/03/1987	Nữ	Phú Thọ	Không	
191	Tô Thị Kim	Thảo	26/08/1997	Nữ	Thanh Hóa	Không	
192	Võ Thị Hoa	Thắm	20/06/1994	Nữ	Hà Tĩnh	Không	
193	Hồ Vũ Việt	Thắng	08/10/1997	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Không	
194	Trương Phước	Thiện	27/07/1999	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Không	
195	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	13/01/1997	Nữ	Phú Thọ	Không	
196	Vũ Thị	Thơ	02/09/1988	Nữ	Phú Thọ	Không	
197	Đoàn Thị Hoài	Thu	04/05/1992	Nữ	Ninh Bình	Không	

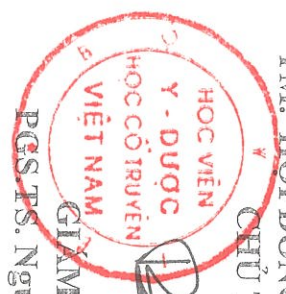
STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
198	Hà Hồng	Thu	25/08/1987	Nữ	Tuyên Quang	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
199	Nguyễn Thị Hà	Thu	26/09/1993	Nữ	Phú Thọ	Không	
200	Trịnh Lệ	Thu	16/11/1991	Nữ	Thanh Hóa	Không	
201	Huyền Thị Thanh	Thúy	02/08/1996	Nữ	Đắk Lắk	Không	
202	Vương Thị	Thúy	20/07/1995	Nữ	Điện Biên	Không	
203	Văn Đức	Thúy	03/10/1982	Nam	Nghệ An	Không	
204	Lâm Thị	Thúy	20/09/1996	Nữ	Phú Thọ	Không	
205	Nguyễn Thị	Thúy	31/08/1985	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
206	Dương Thị Thanh	Thúy	11/05/1985	Nữ	Phú Thọ	Không	
207	Huyền Thị Ngọc	Thu	29/04/1998	Nữ	Thành phố Đà Nẵng	Không	
208	Đặng Ngọc	Trang	20/01/1993	Nữ	Thanh Hóa	Không	
209	Đặng Quỳnh	Trang	15/04/1996	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
210	Nguyễn Thị Hà	Trang	14/04/1997	Nữ	Hưng Yên	Không	
211	Phạm Thị	Trang	11/01/1994	Nữ	Thanh Hóa	Không	
212	Trần Thị Thu	Trang	25/09/1994	Nữ	Thanh Hóa	Không	
213	Trần Thị Thu	Trang	06/07/1994	Nữ	Phú Thọ	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
214	Thị Thị Tuyết	Trinh	31/12/1985	Nữ	Thành phố Đà Nẵng	Không	
215	Nguyễn Văn	Trọng	11/01/1999	Nam	Nghệ An	Không	
216	Bach Trần	Trung	20/07/1991	Nam	Thành phố Đà Nẵng	Không	
217	Nguyễn Thành	Trung	13/07/1998	Nam	Nghệ An	Không	
218	Nguyễn Đình	Trưởng	26/09/1989	Nam	Hà Tĩnh	Không	
219	Dương Thị Tú	Uyên	28/07/1997	Nữ	Hưng Yên	Không	
220	Nguyễn Thị	Vân	02/10/1995	Nữ	Nghệ An	Không	
221	Ngô Thị Kiều	Vi	15/02/1994	Nữ	Thành phố Đà Nẵng	Không	
222	Hồ Quốc	Việt	22/04/1981	Nam	Quảng Ngãi	Không	
223	Bùi Quang	Vũ	11/12/1991	Nam	Phú Thọ	Không	
224	Đinh Đức	Vương	04/11/1993	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
225	Phạm Văn	Vượng	18/06/1986	Nam	Ninh Bình	Không	
226	Thiệu Quốc	Vương	23/01/1987	Nam	Phú Thọ	Không	
227	Phạm Thị	Xuân	01/04/1993	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Không	
228	Đậu Thị	Yên	17/06/1995	Nữ	Nghệ An	Không	
229	Nguyễn Thị Hải	Yên	23/05/1997	Nữ	Phú Thọ	Không	

(Danh sách có 229 thí sinh dự thi)./

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



GIÀM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUYÊN KHOA II
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	Trần Văn	Anh	18/08/1988	Nam	Ninh Bình	Anh văn	Không	
2	Lê Mạnh	Công	05/11/1990	Nam	Bắc Ninh	Anh văn	Không	
3	Nguyễn Thị Linh	Chi	20/09/1995	Nữ	Lạng Sơn	CC tiếng Anh bậc 3/6	Dân tộc thiểu số. Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
4	Hoàng Văn	Đức	10/10/1989	Nam	Thái Nguyên	Anh văn	Không	
5	Nguyễn Anh	Đức	27/10/1989	Nam	Phú Thọ	Anh văn	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
6	Trần Thị Hải	Hà	10/03/1984	Nữ	Ninh Bình	Anh văn	Không	
7	Phạm Thị Thu	Hiền	27/12/1985	Nữ	Ninh Bình	CC tiếng Anh bậc 3/6	Không	
8	Vũ Ngọc	Hiếu	15/08/1995	Nam	Phú Thọ	Anh văn	Không	



STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
9	Đào Thị	Hoa	11/12/1987	Nữ	Hưng Yên	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	
10	Nguyễn Thị	Hoa	23/10/1982	Nữ	Thành phố Hà Nội	Anh văn	Không	
11	Nguyễn Thu	Huyền	07/09/1990	Nữ	Bắc Ninh	Anh văn	Không	
12	Nguyễn Thị Hồng	Loan	08/12/1980	Nữ	Thanh Hóa	Anh văn	Không	
13	Lê Nguyễn	Long	18/04/1973	Nam	Nghệ An	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	
14	Vũ Văn	Luyện	26/06/1986	Nam	Hưng Yên	Anh văn	Không	
15	Vũ Thị	Lý	10/04/1993	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	
16	Vũ Thị	Mân	26/11/1982	Nữ	Thành phố Hà Nội	Anh văn	Không	
17	Dương Thị Phương	Mơ	17/05/1975	Nữ	Cao Bằng	Anh văn	Dân tộc thiểu số. Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
18	Đỗ Thị	Nhàn	04/10/1983	Nữ	Hưng Yên	Anh văn	Không	
19	Vũ Công	Phú	10/03/1980	Nam	Hưng Yên	Anh văn	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
20	Bùi Hoài	Phương	30/10/1978	Nữ	Phú Thọ	Anh văn	Không	

STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
21	Nguyễn Minh	Phuong	07/05/1986	Nam	Thành phố Hà Nội	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	/
22	Nguyễn Thị Minh	Phuong	12/08/1987	Nữ	Thành phố Hà Nội	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	
23	Trần Hồng	Quân	10/08/1982	Nam	Phú Thọ	Anh văn	Không	
24	Đặng Xuân	Sáng	16/01/1992	Nam	Nghệ An	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	
25	Trần Quang	Tuấn	12/11/1975	Nam	Tuyên Quang	Chứng chỉ B1	Công tác từ 2 năm trở lên tại KV1	
26	Lê Thế	Tuyên	11/05/1979	Nam	Thanh Hóa	Anh văn	Không	
27	Vũ Thanh	Tuyền	05/05/1986	Nam	Thành phố Hải Phòng	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	
28	Nguyễn Hữu	Thanh	22/01/1982	Nam	Thành phố Hà Nội	Anh văn	Không	
29	Đỗ Xuân	Thắng	02/03/1987	Nam	Thanh Hóa	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	
30	Đoàn Thị	Thúy	27/01/1982	Nữ	Ninh Bình	Anh văn	Không	
31	Hoàng Nguyễn Huyền	Trang	23/11/1987	Nữ	Hưng Yên	Anh văn	Không	
32	Lê Quốc	Trung	28/04/1987	Nam	Thành phố Hà Nội	Anh văn	Không	

STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
33	Nguyễn Đức	Vũ	01/08/1994	Nam	Bắc Ninh	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Không	

(Danh sách có 33 thí sinh dự thi) /.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy



HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỎ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
NGÀNH Y HỌC CỎ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	Bùi Quỳnh	11/09/1998	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Không	
2	Nguyễn Ngọc	12/10/1997	Nam	Điện Biên	Không	
3	Vũ Thị Lan	17/04/1996	Nữ	Hung Yên	Không	
4	Nguyễn Đức	09/07/2000	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
5	An Thị Ngọc	24/09/1996	Nữ	Ninh Bình	Không	
6	Phạm Văn	05/01/1992	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
7	Nguyễn Thị Thùy	20/09/1999	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
8	Nguyễn Đức	16/03/1998	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
9	Hồng Lê	01/11/1996	Nam	An Giang	Không	
10	Lục Minh	06/07/2000	Nữ	Tuyên Quang	Không	
11	Trần Ngọc	02/08/1991	Nữ	Nghệ An	Không	
12	Nguyễn Văn	11/04/1998	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
13	Phạm Minh	27/02/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
14	Trần Lê Trung	21/10/1997	Nam	Thành phố Cần Thơ	Không	




STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
15	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/02/1992	Nữ	Phú Thọ	Không	
16	Vũ Mai	Hoa	09/02/1995	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
17	Nông Thị	Hoan	19/05/1995	Nữ	Đắk Lắk	Dân tộc thiểu số	
18	Đỗ Thị	Hồng	18/09/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
19	Đặng Mỹ	Huyền	28/07/1995	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
20	Lê Thu	Huyền	19/02/1991	Nữ	Phú Thọ	Không	
21	Phạm Thị	Hương	15/04/2000	Nữ	Thanh Hóa	Không	
22	Tạ Thị Ngọc	Hương	03/03/1997	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
23	Vũ Thị	Hương	21/09/1997	Nữ	Hưng Yên	Không	
24	Hoàng Đông	Khánh	22/01/1992	Nam	Thanh Hóa	Không	
25	Vũ Thị	Linh	06/09/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
26	Lê Văn	Lực	17/11/1996	Nam	Thanh Hóa	Không	
27	Đỗ Ngọc	Mai	16/11/1999	Nữ	Lâm Đồng	Không	
28	Phạm Quang	Minh	17/01/1987	Nam	Hưng Yên	Không	
29	Vũ Văn	Nam	02/03/1994	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
30	Phạm Thị Như	Ngọc	28/12/1991	Nữ	Hưng Yên	Không	
31	Nguyễn Đình	Phong	29/10/1990	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
32	Nguyễn Thị Minh	Phượng	11/12/1999	Nữ	Hưng Yên	Không	
33	Phạm Việt	Tiếp	17/11/1995	Nam	Công Hòa Séc	Không	
34	Phạm Văn	Toàn	05/09/1999	Nam	Hưng Yên	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
35	Nguyễn Đình	Tới	04/01/1992	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
36	Nguyễn Anh	Tuấn	20/11/1997	Nam	Phú Thọ	Không	
37	Nguyễn Minh	Tùng	08/07/1999	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
38	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/1991	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
39	Trần Huyền	Trang	18/02/1999	Nữ	Thanh Hóa	Không	
40	Trần Quỳnh	Trang	06/04/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
41	Trần Thị Thủy	Trang	12/08/1998	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
42	Đàm Thái	Vân	14/12/1997	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	

(Danh sách có 42 thí sinh dự thi) ./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



 PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy



HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026**

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Tạ Văn	Biện	02/02/1999	Nam	Thành phố Hà Nội	Không	
2	Nguyễn Quốc	Chánh	01/01/1978	Nam	Thành phố Cần Thơ	Không	
3	Chu Thị Khánh	Chi	18/02/1994	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
4	Nguyễn Đức	Dũng	23/10/2001	Nam	Thái Nguyên	Không	
5	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/01/1997	Nữ	Phú Thọ	Không	
6	Nguyễn Thọ	Hiếu	16/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Không	
7	Nguyễn Thị	Hoà	10/10/1999	Nữ	Bắc Ninh	Không	
8	Nguyễn Thị	Hòa	07/07/1999	Nữ	Bắc Ninh	Không	
9	Phùng Thị Thu	Hương	26/02/2001	Nữ	Phú Thọ	Không	
10	Nguyễn Trung	Kiên	18/08/2000	Nam	Phú Thọ	Không	
11	Nguyễn Duy	Long	02/04/2000	Nam	Lào Cai	Không	
12	Bùi Thị Thu	Luong	25/07/1999	Nữ	Hung Yên	Không	



STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
13	Vũ Thị Ngọc		05/05/1996	Nữ	Ninh Bình	Không	
14	Đoàn Thị Hồng Nhung		12/07/2000	Nữ	Phú Thọ	Không	
15	Ninh Thị Thanh Phương		31/01/2001	Nữ	Ninh Bình	Không	
16	Thân Văn Tiệp		24/10/1998	Nam	Bắc Ninh	Không	
17	Bùi Quang Tinh		20/01/1998	Nam	Phú Thọ	Không	
18	Vũ Trọng Tùng		31/12/2000	Nam	Quảng Ninh	Không	
19	Nguyễn Hương Trà		09/09/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	Không	
20	Nguyễn Thu Trang		01/09/1998	Nữ	Lào Cai	Không	

(Danh sách có 20 thí sinh dự thi) / 

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

HỌC VIÊN
Y. DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy



HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Ngô Thị Duyên		22/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	Không	
2	Nguyễn Hữu Nghị		28/11/1993	Nam	Thanh Hóa	Không	
3	Nguyễn Thị Nguyệt		29/01/1983	Nữ	Nghệ An	Không	
4	Vũ Thị Phương		06/06/1965	Nữ	Ninh Bình	Không	

(Danh sách có 04 thí sinh dự thi) / *W*

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH


PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026**

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Vũ Văn	Hương	22/04/1992	Nam	Quảng Ninh	Không	

(Danh sách có 01 thí sinh dự thi)./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH DỰ THI CHUYÊN KHOA I
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 1 NĂM 2026

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tương ưu tiên	Ghi chú
1	Tổng Thị Bé	30/03/1987	Nữ	Hà Tĩnh	Không	
2	Đoàn Quang Hòa	19/09/1978	Nam	Thành phố Hải Phòng	Không	

(Danh sách có 02 thí sinh dự thi) /.

W

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy
GIÁM ĐỐC